

HCM

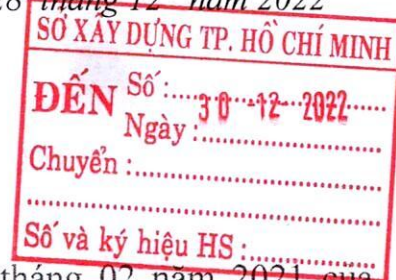
Phụ lục
Mẫu công văn đề nghị công bố giá vật liệu xây dựng
(Kèm theo Công văn số 9328/SXD-VLXD ngày 07/10/2021
của Sở Xây dựng)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN SECOIN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09.HCM-XII-22/SEBD-CV
V/v đề nghị công bố giá
vật liệu xây dựng
định kỳ tại Sở Xây dựng

Bình Dương, ngày 28 tháng 12 năm 2022



Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng (VLXD) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố);

Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Sài Gòn Secoin đề nghị công bố giá vật liệu xây dựng định kỳ tại Sở Xây dựng, kèm theo các tài liệu như sau:

1. Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của đơn vị (bản chính) theo quy định tại Điều 6, Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13 (đính kèm).
2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp.
3. Tài liệu thể hiện việc duy trì kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do đơn vị sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định tại Điều 10, Điều 28, Điều 38 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Ví dụ: Phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định hoặc công nhận).
4. Đối với VLXD thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (VLXD nhóm 2), còn phải có các tài liệu sau theo quy định tại Điều 28, Điều 34, Điều 38 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (hiện nay là QCVN 16:2019/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng):
 - Chứng nhận hợp quy của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định.
 - Bản công bố hợp quy của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu.
 - Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành nơi đơn vị sản xuất, nhập khẩu đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Dấu hợp quy được sử dụng trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên bao gói hoặc trên nhãn gắn trên sản phẩm hoặc trong chứng chỉ chất lượng, tài liệu kỹ thuật của sản phẩm theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

5. Thông tin khác:

- Địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp đề nghị công bố giá: 1/8 Lê Văn Tách, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

- Nhà sản xuất sản phẩm vật liệu đề nghị công bố giá: Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Sài Gòn Secoin - 1/8 Lê Văn Tách, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Đường số 12, KCN Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

- Thông tin liên lạc của lãnh đạo Công ty và cán bộ phụ trách đăng ký công bố giá:

+ Bà Nguyễn Thị Mai Hân – Giám đốc tài chính – 0902318568 – maihan@secoin.com

+ Bà Phan Thị An Bình – NV Kinh doanh – 0937801989 – info@secoin.com

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/01/2023 đến khi có thông báo mới.

Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Sài Gòn Secoin cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Sài Gòn Secoin xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐINH HỒNG KỲ

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Kèm theo công văn số 09-XII-22/SEBD-CV ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Sài Gòn Secoin)

1. Mức giá niêm yết:

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá nhận hàng tại Nhà máy			Nhà sản xuất, xuất xứ	Ghi chú
				Mức giá bán kỳ trước	Mức giá bán mới	Tỷ lệ % tăng / giảm		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]
1	Gạch ngoài trời							
1.1	Gạch Terrazzo							
1	Gạch Terrazzo thông thường lát vỉa hè màu đỏ/ vàng/ xám	m2	TCVN 7744:2013 400x400x30 mm		105,000		Secoin, Việt Nam	Địa chỉ nhà máy: 1/8 Lê Văn Tách, P. An Bình, TP. Dĩ An, T. Bình Dương
2	Gạch Terrazzo thông thường lát vỉa hè màu xanh	m2	TCVN 7744:2013 400x400x30 mm		110,000		Secoin, Việt Nam	
3	Gạch Terrazzo thông thường lát vỉa hè màu đỏ/ vàng/ xám	m2	TCVN 7744:2013 300x300x30 mm		110,000		Secoin, Việt Nam	
4	Gạch Terrazzo thông thường lát vỉa hè màu xanh	m2	TCVN 7744:2013 300x300x30 mm		115,000		Secoin, Việt Nam	
5	Gạch Terrazzo thông thường, lát vỉa hè	m2	TCVN 7744:2013 400x400x30 mm		110,000		Secoin, Việt Nam	
6	Gạch Terrazzo nghệ thuật hàng cao cấp, lát vỉa hè	m2	TCVN 7744:2013 400x400x28 mm		275,000		Secoin, Việt Nam	
1.2	Gạch bê tông tự chèn							
	Gạch SIP hàng phổ thông							
1	Gạch bê tông tự chèn M200 hàng phổ thông	m2	TCVN 6476:1999 200x100x60 mm (Gạch hình chữ nhật) 112.5x225x60 mm (Gạch hình zigzag) 160x160x60 mm (gạch hình lục giác) 200x164x60 mm (gạch hình chữ I)		172,000		Secoin, Việt Nam	Địa chỉ nhà máy: Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
2	Gạch bê tông tự chèn M300 hàng phổ thông	m2			186,000		Secoin, Việt Nam	
3	Gạch bê tông tự chèn M400 hàng phổ thông	m2			195,500		Secoin, Việt Nam	

¹ Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá nhận hàng tại Nhà máy			Nhà sản xuất, xuất xứ	Ghi chú	
				Mức giá bán kỳ trước	Mức giá bán mới	Tỷ lệ % tăng / giảm			
Gạch Sabbiato hàng cao cấp									
4	Gạch bê tông tự chèn Sabbiato M200 hàng cao cấp	m2	TCVN 6476:1999 200x100x60 mm (Gạch hình chữ nhật) 112.5x225x60 mm (Gạch hình ziczac) 160x160x60 mm (gạch hình lục giác) 200x164x60 mm (gạch hình chữ I)		260,000		Secoin, Việt Nam	Địa chỉ nhà máy: Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai. Ngoài các hình dạng/ kích thước cơ bản, có thể cung cấp các hình dạng/ kích thước khác như 100x100x60mm, 150x150x60mm, 200x200x60 mm. Có thể cung cấp các hình dạng kích thước khác.	
5	Gạch bê tông tự chèn Sabbiato M300 hàng cao cấp	m2			315,000		Secoin, Việt Nam		
6	Gạch bê tông tự chèn Sabbiato M400 hàng cao cấp	m2			370,000		Secoin, Việt Nam		
1.3	Gạch trồng cỏ/ Gạch bãi đỗ xe								
1	Gạch trồng cỏ 8 lỗ M100	m2	TCVN 6476:1999 390x260x80 mm		133,000		Secoin, Việt Nam	Địa chỉ nhà máy: Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	
2	Gạch trồng cỏ 8 lỗ M200	m2	TCVN 6476:1999 390x260x80 mm		160,000		Secoin, Việt Nam		
3	Gạch trồng cỏ 2 lỗ M100	m2	TCVN 6476:1999		140,000		Secoin, Việt Nam		
4	Gạch trồng cỏ 2 lỗ M200	m2	TCVN 6476:1999		150,000		Secoin, Việt Nam		
1.4	Gạch bó vỉa								
1	Gạch bó vỉa M200	viên	TCVN 6476:1999 100x200x500 mm		24,500		Secoin, Việt Nam		
2	Gạch bó vỉa M300	viên	TCVN 6476:1999 500x350x150 mm		70,500		Secoin, Việt Nam		
2	Gạch bê tông cốt liệu								
2.1	Gạch bê tông xây tường 190 mm								
1	SHB4-190 4 lỗ rỗng, có đáy, M75	viên	QCVN 16:2019/BXD 390x190x190 mm		9,835		Secoin, Việt Nam	Địa chỉ nhà máy: Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	
2.2	Gạch bê tông xây tường 150 mm								
1	SHB3-150 4 lỗ rỗng, có đáy, M75	viên	QCVN 16:2019/BXD 390x150x190 mm		10,158		Secoin, Việt Nam		
2	SHB1-150 2 lỗ rỗng, có đáy, M75	viên	QCVN 16:2019/BXD 190x150x190 mm		5,929		Secoin, Việt Nam		
2.3	Gạch bê tông xây tường 100 mm								
1	SHB2-90 2 lỗ rỗng, có đáy, M75	viên	QCVN 16:2019/BXD 390x90x190 mm		5,765		Secoin, Việt Nam		
2	SHB1-90 1 lỗ rỗng, có đáy, M75	viên	QCVN 16:2019/BXD 190x90x190 mm		3,511		Secoin, Việt Nam		

¹ Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá nhận hàng tại Nhà máy			Nhà sản xuất, xuất xứ	Ghi chú
				Mức giá bán kỳ trước	Mức giá bán mới	Tỷ lệ % tăng / giảm		
2.4	Gạch ống bê tông							
1	SSB4-80 4 lỗ rỗng, M75	viên	QCVN 16:2019/BXD 180x80x80 mm		1,199		Secoin, Việt Nam	Địa chỉ nhà máy: Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
2	SSB4-80/2 Gạch demi 4 lỗ, M75	viên	QCVN 16:2019/BXD 90x80x80 mm		895		Secoin, Việt Nam	
3	SSB2-40 2 lỗ rỗng, M75	viên	QCVN 16:2019/BXD 180x80x40 mm		966		Secoin, Việt Nam	
2.5	Gạch đinh bê tông							
1	SSB-40, M75	viên	QCVN 16:2019/BXD 180x80x40 mm		920		Secoin, Việt Nam	
3	Ngói màu cao cấp xi măng (Công nghệ ép ướt Nhật Bản)							Áp dụng cho Ngói sơn 1 màu, chưa bao gồm đóng pallet, đóng pallet +500d/viên
3.1	Ngói sóng tròn (lợp chính)	viên	TCVN 1453:86 334x422 mm		16,000		Secoin, Việt Nam	Địa chỉ nhà máy: 1/8 Lê Văn Tách, P. An Bình, TP. Dĩ An, T. Bình Dương
1	Phụ kiện sóng tròn bờ nóc/ bờ cạnh	viên	TCVN 1453:86		25,500		Secoin, Việt Nam	
2	Phụ kiện sóng tròn bờ cuối nóc/ bờ cuối cạnh/ bờ cuối mái	viên	TCVN 1453:86		55,000		Secoin, Việt Nam	
3	Phụ kiện sóng tròn chạc 3T/ chạc 3Y	viên	TCVN 1453:86		65,000		Secoin, Việt Nam	
4	Phụ kiện sóng tròn chạc 4/ góc vuông	viên	TCVN 1453:86		70,500		Secoin, Việt Nam	
3.2	Ngói phẳng kiểu Pháp	viên	TCVN 1453:86 345x406 mm		24,500		Secoin, Việt Nam	
3.3	Ngói sóng vuông	viên	TCVN 1453:86 333x423 mm		24,500		Secoin, Việt Nam	
3.4	Ngói giả đá	viên	TCVN 1453:86 345x406 mm		24,500		Secoin, Việt Nam	
1	Phụ kiện ngói phẳng Pháp/ sóng vuông/ giả đá bờ nóc/ bờ cạnh	viên	TCVN 1453:86		30,000		Secoin, Việt Nam	
2	Phụ kiện ngói phẳng Pháp/ sóng vuông/ giả đá bờ cuối nóc/ bờ cuối cạnh	viên	TCVN 1453:86		78,500		Secoin, Việt Nam	
3	Phụ kiện ngói phẳng Pháp/ sóng vuông/ giả đá chạc 3Y/ góc vuông	viên	TCVN 1453:86		87,500		Secoin, Việt Nam	
4	Phụ kiện ngói phẳng Pháp/ sóng vuông/ giả đá chạc 4	viên	TCVN 1453:86		127,500		Secoin, Việt Nam	
4	Gạch bông cao cấp (truyền thống, xi măng)							
4.1	Gạch bông cao cấp							
1	Gạch bông cao cấp trơn	m2	TCVN 6065:1995, 200x200x16 mm		435,000		Secoin, Việt Nam	Địa chỉ nhà máy: 1/8 Lê Văn Tách, P. An Bình, TP. Dĩ An, T. Bình Dương
2	Gạch bông cao cấp hoa văn đơn giản	m2	TCVN 6065:1995, 200x200x16 mm		465,000		Secoin, Việt Nam	

¹ Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực

Bayel

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá nhận hàng tại Nhà máy			Nhà sản xuất, xuất xứ	Ghi chú
				Mức giá bán kỳ trước	Mức giá bán mới	Tỷ lệ % tăng / giảm		
3	Gạch bông cao cấp hoa văn phức tạp	m2	TCVN 6065:1995, 200x200x16 mm		480,000		Secoin, Việt Nam	Địa chỉ nhà máy: 1/8 Lê Văn Tách, P. An Bình, TP. Dĩ An, T. Bình Dương
4	Gạch bông cao cấp lục giác trơn	m2	TCVN 6065:1995, 200x230x16 mm		490,000		Secoin, Việt Nam	
5	Gạch bông cao cấp lục giác hoa văn đơn giản	m2	TCVN 6065:1995, 200x230x16 mm		530,000		Secoin, Việt Nam	
6	Gạch bông cao cấp lục giác hoa văn phức tạp	m2	TCVN 6065:1995, 200x230x16 mm		555,000		Secoin, Việt Nam	
4.2	Gạch bông Terrazzo/ Gạch bông cần đồng							
1	Gạch bông Terrazzo hạt đá	m2	TCVN 6065:1995, 200x200x16 mm		580,000		Secoin, Việt Nam	Địa chỉ nhà máy: 1/8 Lê Văn Tách, P. An Bình, TP. Dĩ An, T. Bình Dương
2	Gạch bông Terrazzo hạt trai	m2	TCVN 6065:1995, 200x200x16 mm		955,000		Secoin, Việt Nam	
3	Gạch bông cần đồng hoa văn đơn giản	viên	TCVN 6065:1995, 200x200x16 mm		75,000		Secoin, Việt Nam	
4	Gạch bông cần đồng hoa phức tạp	viên	TCVN 6065:1995, 200x200x16 mm		90,000		Secoin, Việt Nam	
5	Gạch bông gió							
1	Gạch bông gió màu trắng	viên	TCCS-SVB 190x190x65 mm		18,200		Secoin, Việt Nam	Địa chỉ nhà máy: Đường số 12, KCN Lê Minh Xuân, H. Bình Chánh, TP. HCM
2	Gạch bông gió màu xám	viên	TCCS-SVB 190x190x65 mm		22,800		Secoin, Việt Nam	
3	Gạch bông gió màu vàng, màu đỏ	viên	TCCS-SVB 190x190x65 mm		32,800		Secoin, Việt Nam	
4	Gạch bông gió màu xanh dương, xanh lá	viên	TCCS-SVB 190x190x65 mm		35,500		Secoin, Việt Nam	
5	Gạch bông gió sơn ngọc trai	viên	TCCS-SVB 190x190x65 mm		36,500		Secoin, Việt Nam	
6	Gạch Terrazzo cao cấp							
1	Gạch Terrazzo hạt đá	m2	TCVN 7744:2013 600x1200x20 mm		670,000		Secoin, Việt Nam	Địa chỉ nhà máy: 1/8 Lê Văn Tách, P. An Bình, TP. Dĩ An, T. Bình Dương
2	Gạch Terrazzo hạt kính	m2	TCVN 7744:2013 600x1200x20 mm		865,000		Secoin, Việt Nam	
3	Gạch Terrazzo hạt trai	m2	TCVN 7744:2013 600x1200x20 mm		955,000		Secoin, Việt Nam	

¹ Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực

Buyer

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá nhận hàng tại Nhà máy			Nhà sản xuất, xuất xứ	Ghi chú
				Mức giá bán kỳ trước	Mức giá bán mới	Tỷ lệ % tăng / giảm		
4	Gạch Terrazzo hạt đá bắn nhám	m2	TCVN 7744:2013 600x1200x20 mm		670,000		Secoin, Việt Nam	Địa chỉ nhà máy: 1/8 Lê Văn Tách, P. An Bình, TP. Dĩ An, T. Bình Dương
5	Gạch Terrazzo bậc cầu thang hạt đá	m2	TCVN 7744:2013		805,000		Secoin, Việt Nam	
6	Gạch Terrazzo bậc cầu thang hạt kính	m2	TCVN 7744:2013		1,050,000		Secoin, Việt Nam	
7	Gạch Terrazzo bậc cầu thang hạt trai	m2	TCVN 7744:2013		1,150,000		Secoin, Việt Nam	
8	Gạch Terrazzo bậc cầu thang hạt đá bắn nhám	m2	TCVN 7744:2013		805,000		Secoin, Việt Nam	

Ghi chú:

- Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT, chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình, địa chỉ nhà máy để nhận hàng như ghi chú bảng trên, đơn giá không bao gồm chi phí thí nghiệm.
- Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 02/01/2023 đến khi có thông báo mới.
- Tùy vào từng dự án và số lượng cụ thể, nhà cung cấp sẽ có mức cân đối chi phí tốt nhất cho Quý khách hàng

Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Sài Gòn Secoin cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Sài Gòn Secoin xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐINH HỒNG KỲ

¹ Trường hợp phân chia khu vực nội thành và ngoại thành, đề nghị thể hiện rõ bao gồm các quận / huyện / thành phố nào trong khu vực